

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM LỚP HỌC PHẦN

Học kỳ: Học kỳ 1 (2023-2024)

Lớp học phần: [23401002] - Bóng đá 2 (CCQ2217E,CCQ2217F)

STT	Thông tin sinh viên				Quá Trình 40%			TBTk	Điểm thi	Điểm học phần	Được dự thi	Ghi chú
	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Hệ số 1							
					1	2	3					
1	2122170214	Lê Văn Tuấn	Anh	04/02/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng >20%
2	2122170190	Nguyễn Chí	Bảo	22/07/2004	8.0	9.0	8.3	8.4	4.0	5.8		
3	2122170457	Nguyễn Gia	Bảo	22/11/2004	8.0	9.0	8.5	8.5	9.0	8.8		
4	2122170225	Đặng Nguyễn Nguyên	Đặng	08/07/2004	6.0	7.0	8.3	7.4	4.0	5.4		
5	2122170215	Đào Ngọc Minh	Đức	16/11/2004	8.0	9.0	8.5	8.5	4.0	5.8		
6	2122170213	Nguyễn Tường Minh	Đức	12/10/2004	7.0	8.5	8.0	7.9	4.0	5.6		
7	2122070032	Lê Thị Phương	Dương	10/05/2002	6.0	7.0	8.3	7.4	5.0	6.0		
8	2122170169	Lê Văn	Duy	01/01/2004	8.0	9.0	8.3	8.4	4.0	5.8		
9	2122170183	Đinh Văn	Hải	27/05/2004	8.5	9.5	8.1	8.6	7.0	7.6		
10	2122170237	Võ Quang	Hải	13/03/2000	6.0	7.0	8.3	7.4	5.0	6.0		
11	2122170180	Nguyễn Ngọc	Hân	23/06/2003	6.0	7.0	8.0	7.3	4.0	5.3		
12	2121120565	Nhữ Thị	Hằng	22/08/2003	8.0	9.0	8.0	8.3	5.0	6.3		
13	2122170172	Mai Đức	Hiếu	11/02/2004	7.0	8.5	8.3	8.0	4.0	5.6		
14	2122170361	Nguyễn Trung	Hiếu	16/03/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng >20%
15	2122060066	Nguyễn Hữu Thế	Hiếu	11/03/2004	9.0	9.0	8.5	8.8	6.0	7.1		
16	2122170236	Nguyễn Quốc	Huân	26/09/2004	6.0	7.5	8.3	7.5	4.0	5.4		
17	2121170192	Cao Văn	Hùng	08/12/2003	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng >20%
18	2122170481	Hồ Tấn	Hưng	18/07/2004	7.0	8.5	8.3	8.0	5.0	6.2		

19	2122170249	Huỳnh Vĩnh	Hưng	10/02/2004	7.0	8.5	8.0	7.9	10.0	9.2		
20	2122170224	Nguyễn Khánh	Huy	19/09/2004	8.0	9.0	8.5	8.5	7.0	7.6		
21	2122170167	Nguyễn Xuân	Khang	05/07/2004	8.0	9.5	8.1	8.4	5.0	6.4		
22	2122170199	Lê Duy	Khánh	18/06/2004	9.5	9.5	8.5	9.0	5.0	6.6		
23	2122170185	Huỳnh Tấn	Khoa	04/01/2004	8.0	9.5	8.0	8.4	6.0	7.0		
24	2122120252	Trần Mạnh	Khương	20/03/1998	7.0	8.5	8.3	8.0	5.0	6.2		
25	2122170176	Phan Thiên	Kim	12/07/2004	8.0	9.0	8.3	8.4	5.0	6.4		
26	2122170216	Huỳnh Hoàng	Lợi	05/10/2004	6.0	7.0	8.3	7.4	4.0	5.4		
27	2122170184	Lê Vũ	Long	16/12/2004	10.0	9.5	8.1	8.9	7.0	7.8		
28	2122170191	Tạ Hoàng	Long	12/03/2004	9.0	9.5	8.1	8.7	4.0	5.9		
29	2122170177	Nguyễn Minh	Mẫn	11/06/2004	5.0	8.0	8.1	7.3	4.0	5.3		
30	2122170242	Võ Hoài	Nam	26/03/2004	8.0	9.0	8.5	8.5	7.0	7.6		
31	2122170179	Đặng Hiếu	Nghĩa	20/10/2004	6.0	7.0	8.1	7.3	5.0	5.9		
32	2122120460	Quách Hồng	Nghĩa	21/06/2004	8.5	9.5	8.0	8.5	5.0	6.4		
33	2122170208	Văn Công Trung	Nghĩa	03/02/2004	8.0	9.0	8.3	8.4	4.0	5.8		
34	2122170223	Lê Trần	Nguyên	30/12/2004	8.5	9.0	8.5	8.6	5.0	6.5		
35	2122170230	Trần Minh	Nhật	24/04/2004	8.0	9.0	8.5	8.5	7.0	7.6		
36	2122170209	Đỗ Đoàn Tiến	Phát	20/08/2004	8.0	9.5	8.1	8.4	5.0	6.4		
37	2122170204	Nguyễn Huỳnh	Phát	23/06/2004	8.0	9.5	8.3	8.5	9.0	8.8		
38	2122170241	Phan Tấn	Phát	05/04/2004	8.0	9.0	8.5	8.5	4.0	5.8		
39	2122170182	Trần Kim	Phi	26/07/2004	7.0	8.5	8.3	8.0	6.0	6.8		
40	2122170202	Trần Quang	Phú	30/06/2004	7.0	8.5	8.0	7.9	9.0	8.6		
41	2122170186	Nguyễn Việt Hoàng	Phúc	21/09/2004	7.0	8.0	8.1	7.8	4.0	5.5		
42	2122170231	Nguyễn Trương	Quý	16/02/2004	9.0	9.5	8.0	8.6	4.0	5.9		
43	2122170188	Phạm Ngô	Quyền	18/08/2004	8.0	9.0	8.0	8.3	4.0	5.7		
44	2121030095	Hồ Giang	Sang	29/12/2003	6.0	7.0	8.0	7.3	5.0	5.9		

45	2122170192	Phan Văn	Tài	08/09/2004	8.5	9.5	8.5	8.8	4.0	5.9		
46	2121170580	Thiên Sanh	Tân	10/04/2003	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		Vắng >20%
47	2122170238	Nguyễn Trung	Tây	12/02/2004	8.0	9.0	8.5	8.5	6.0	7.0		
48	2122170168	Phạm Anh	Tây	20/06/2004	8.0	9.5	8.1	8.4	7.0	7.6		
49	2122170164	Đặng Văn	Thái	02/03/2004	4.0	6.0	8.1	6.6	7.0	6.8		
50	2122170211	Nguyễn Duy	Thái	20/04/2004	9.5	9.0	8.5	8.9	7.0	7.8		
51	2122170220	Hoàng Trọng	Thân	26/01/2004	8.5	9.5	8.1	8.6	4.0	5.8		
52	2122170217	Huỳnh Hoàng	Thắng	05/10/2004	6.0	7.5	8.0	7.4	7.0	7.2		
53	2122170234	Dương Chế	Thành	03/09/2004	8.0	9.0	8.5	8.5	7.0	7.6		
54	2122170181	Phạm Minh	Thành	17/02/2004	7.0	8.5	8.3	8.0	4.0	5.6		
55	2122270107	Trần Thị Thu	Thảo	29/08/2004	8.0	9.0	8.5	8.5	0.0	3.4		
56	2122170207	Thắm Ngọc	Thiện	11/11/2003	8.0	9.5	8.0	8.4	4.0	5.8		
57	2122170219	Đỗ Nhật	Tiến	06/10/2004	8.0	9.5	8.5	8.6	5.0	6.5		
58	2122170187	Nguyễn Văn	Tiến	13/10/2004	6.0	7.5	8.1	7.4	4.0	5.4		
59	2122170206	Trần Công	Tiến	12/01/2004	7.0	8.5	8.0	7.9	5.0	6.2		
60	2122170173	Nguyễn Thanh	Toàn	23/12/2003	6.0	7.0	8.3	7.4	6.0	6.6		
61	2122170195	Dương	Tới	09/10/2004	5.0	5.0	8.3	6.7	5.0	5.7		
62	2122210078	Trần Công	Trí	26/10/2004	8.5	9.5	8.5	8.8	4.0	5.9		
63	2122170210	Trần Minh	Trí	20/07/2004	9.0	9.5	8.1	8.7	5.0	6.5		
64	2122170205	Nguyễn Văn	Trường	10/07/2004	8.0	9.0	8.0	8.3	9.0	8.7		
65	2122170197	Trần Phan Anh	Tuấn	23/09/2004	8.0	9.0	8.5	8.5	5.0	6.4		
66	2122170174	Kiều Bảo	Tường	04/05/2003	9.5	9.5	8.3	8.9	4.0	6.0		
67	2122260088	Trần Thị Phương	Uyên	17/06/2004	5.0	7.5	8.1	7.2	4.0	5.3		
68	2122120417	Văn Thị	Vy	29/09/2004	6.0	7.0	8.3	7.4	4.0	5.4		
Tổng cộng:				68	####	####	####	520.30	-			

Ghi chú:

- "Mã bậc loại - Mã học phần - Tổ" gồm 12 ký tự, trong đó 04 ký tự đầu thể hiện cho Bậc đào tạo và Loại hình đào tạo, 6 ký tự tiếp theo là mã học phần
- Sinh viên nào đủ điều kiện dự thi sẽ đánh dấu X tại cột "Đủ điều kiện dự thi"
- Bảng ghi điểm lưu thành 04 bản: 01 bản chính lưu tại Phòng QLE

Trưởng khoa
(Ký, ghi rõ họ tên)

ván, 2 ký tự sau là tổ